

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÌNH GIANG  
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 51/2017/HSST

Ngày: 15/11/2017

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG - HẢI DƯƠNG

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Thiết.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Vũ Đình Mạnh - Cán bộ hưu trí xã Bình Minh.
2. Ông Vũ Đăng Đông - Cán bộ hưu trí thị trấn Kẻ Sặt.

*Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:* Ông An Văn Khoái - Thư ký TAND huyện Bình Giang.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang tham gia phiên toà:* Bà Phạm Thị Hương, bà Dương Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Giang mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 55/2017/HSST ngày 03 tháng 10 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Phạm Văn D** (tên gọi khác T), sinh năm 1998.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: thôn H, xã P, huyện A, tỉnh Hưng Yên.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 8/12.

Con ông Phạm Văn Đ (đã chết) và con bà Nguyễn Thị H.

Tiền sự: Ngày 02/02/2016, Công an huyện B, tỉnh Hải Dương xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc.

Tiền án: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 12/5/2017, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Kim Chi, Công an tỉnh Hải Dương đến nay - Có mặt.

2. Họ và tên: **Hà Trường G**, sinh năm 1993.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: thôn T, xã T, huyện C, tỉnh Hải Dương.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12.

Con ông Hà Huy P và con bà Nguyễn Thị V.

Tiền sự: Không.

Tiền án: Bản án số 04 ngày 17/3/2015, Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 4 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội Gây rối trật tự công cộng.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/7/2017 đến ngày 25/7/2017 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Kim Chi, Công an tỉnh Hải Dương đến nay - Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo G: Bà Nguyễn Thị S - Luật sư - Văn phòng luật sư Á Đông thuộc đoàn luật sư tỉnh Hải Dương- Có mặt.

*\* Người bị hại:*

1. Anh Nguyễn Văn H - sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương - Có mặt.

2. Anh Phạm Hoàng A - sinh năm 1995

Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương - Có mặt.

### **NHẬN THẤY:**

Các bị cáo Phạm Văn D và Hà Trường G bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, Hải Dương truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 13/01/2017, Phạm Văn D đến quán “Đồ nướng 61” ở Khu T, xã Tt, huyện B, tỉnh Hải Dương thì gặp anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1992, trú tại thôn Tranh Ngoài và anh Phạm Hoàng Anh, sinh năm 1995, trú tại thôn C, xã T, huyện B đang ăn uống tại quán với bạn bè. Do quen biết nên D được anh H và các bạn mời vào bàn ngồi ăn uống cùng. Trong lúc ngồi ăn, D rót rượu mời anh H nhưng anh H không uống, D cho rằng mình bị coi thường nên giữa hai bên xảy ra lời qua tiếng lại. D bỏ ra ngoài gọi điện thoại cho Hà Trường G đến để đánh anh H. Khoảng 20 phút sau, G thuê xe ta xi (không rõ BKS và người lái) rồi rủ anh Hoàng Văn H, sinh năm 1998, trú tại thôn G, thị trấn L, huyện C, tỉnh Hải Dương đi cùng đến gặp D. Lúc này anh H đã về nhà, ở quán chỉ còn lại anh H.A và một số bạn, D gọi điện vào số máy của anh H thì vợ anh H là chị Đào Thị Hoàng Y nghe điện thoại và nói anh H say rượu đang ngủ. D bảo lái xe taxi chở D và G đi về nhà mình ở thôn H, xã P, huyện Á, tỉnh Hưng Yên lấy 01 dao chuôi bằng gỗ dài khoảng 60cm, bản rộng khoảng 05cm và 01 dao dài khoảng 80cm, tay cầm bằng tuýp sắt dài khoảng 50cm, bản rộng khoảng

07cm mang ra để lên xe taxi tại hàng ghế sau (chỗ D và G ngồi) mục đích để đến nhà đánh anh H. Khi đến, chị Y ra mở cửa, D xuống xe cầm theo dao chỉ về phía chị Y đe dọa “*bảo chồng mày lần sau ra đường cẩn thận, đừng có kiểu xúc phạm người khác*”. Sau khi đe dọa chị Y xong, D, G và anh H tiếp tục lên xe taxi để đi về thành phố H chơi. Do chị Y biết anh H vừa ngồi ăn uống cùng anh H. A nên gọi điện thoại hỏi anh H. A lý do bị D đến nhà đe dọa, thấy vậy anh H. A đến nhà H và được chị Y kể lại toàn bộ sự việc. Lúc này anh H từ trên tầng 2 xuống, biết vợ mình bị D đe dọa nên gọi điện cho D quay lại, đồng thời anh H và anh H. A cầm mỗi người một gậy sắt ra đứng ở trước cửa nhà anh H đợi D và G.

Khoảng 23 giờ cùng ngày D và G đi xe taxi quay lại để đánh nhau với anh H thì gặp anh H và H. A đứng ở cửa nhà, D xuống xe cầm theo dao vào gặp anh H, hai bên tiếp tục lời qua tiếng lại, D lao vào chém về phía anh H thì anh H. A và mọi người vào can ngăn, thấy vậy G chạy đến cầm dao lao vào chém vào người anh H, anh H giơ gậy sắt lên đỡ bị ngã vào cửa nhà. Khi thấy anh H bị chém, anh H. A dùng gậy sắt lao vào vụt G, D cầm dao tiếp tục chém anh H. A làm anh H. A bị ngã, sau đó được mọi người can ngăn. D và G lên xe taxi đi về thành phố H, trên đường đi D rút dao và dao xuống ao khu vực thôn Q, xã T, huyện C. Hậu quả anh H bị thương ở bàn tay phải, vùng đỉnh trán; anh H. A bị thương ở vùng đỉnh trán, hõm nách và được gia đình đưa đi cấp cứu và điều trị tại Bệnh viện quân y 7 Quân khu 3, đến ngày 14/01/2017 anh H. A ra viện, anh H chuyển đến Bệnh viện hữu nghị Việt Đức, Bệnh viện Trung ương quân đội 108 Bộ quốc phòng điều trị, đến ngày 21/01/2017 anh H ra viện.

Kết luận giám định pháp y về thương tích số 28a/TgT ngày 06/3/2017 của Phòng giám định pháp y Bệnh viện đa khoa tỉnh Hải Dương kết luận anh Nguyễn Văn H bị cụt đốt 2 ngón 1 bàn tay phải; gãy chỏm xương đốt 1 ngón 2 bàn tay phải, đứt gân gấp nông, gấp sâu, gân duỗi ngón 2, tổn hại 21% sức khỏe. Các tổn thương có đặc điểm do vật sắc gây nên.

Kết luận giám định pháp y về thương tích số 28b/TgT ngày 06/3/2017 của Phòng giám định pháp y Bệnh viện đa khoa tỉnh Hải Dương kết luận anh Phạm H. A bị 3 vết thương phần mềm vùng giữa đỉnh, trán, mặt trước hõm nách phải, tổn hại 03% sức khỏe. Các tổn thương có đặc điểm do vật sắc gây nên.

Trách nhiệm dân sự: Anh H. A không yêu cầu các bị cáo bồi thường trách nhiệm dân sự; Anh H yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền viện phí, tiền tổn thất tinh thần và các khoản chi phí khác tổng là 68.695.000 đồng và 900.000 đồng tiền ngày công chị Y nghỉ không lao động được do phải chăm sóc anh H. Gia đình bị cáo D đã bồi thường cho anh H 10.000.000 đồng, gia đình bị cáo G đã bồi thường 10.000.000 đồng và tự nguyện nộp tiếp 20.000.000đ tại Chi cục Thi hành án huyện B để bồi thường cho anh H).

Vật chứng của vụ án: 01 dao, 01 đao sau khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đã vứt đi; 02 chiếc gậy sắt anh Hưng và anh H. A dùng để đánh nhau với các bị cáo, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thu hồi được.

Tại bản cáo trạng số 46/VKS-HS ngày 02/10/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Bình Giang để xét xử các bị cáo Phạm Văn D và Hà Trường G về tội: “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 2 Điều 104 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang đề nghị:  
*Về tội danh:* Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn D và Hà Trường G phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

*Về hình phạt:* Áp dụng khoản 2 Điều 104, điểm b, p khoản 1 Điều 46, Điều 20, Điều 53, Điều 33 Bộ luật Hình sự 1999; Điểm đ khoản 2 Điều 134, Khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội đối với bị cáo Phạm Văn D. Đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Văn D từ 27 đến 33 tháng tù, thời gian tính từ ngày bắt tạm giam 12/5/2017;

Áp dụng khoản 2 Điều 104, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 20, Điều 53, Điều 33 Bộ luật Hình sự 1999; Điểm đ khoản 2 Điều 134, Khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội đối với bị cáo Hà Trường G. Đề nghị xử phạt bị cáo Hà Trường G từ 27 đến 33 tháng tù, thời gian tính từ ngày tạm giữ 19/7/2017.

Về trách nhiệm dân sự: Anh H. A không yêu cầu các bị cáo bồi thường trách nhiệm dân sự;

Anh H yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền viện phí, tiền tổn thất tinh thần và các khoản chi phí khác tổng là 68.695.000 đồng và 900.000 đồng tiền ngày công chị Y nghỉ không lao động được do phải chăm sóc anh H, cộng tổng là 69.595.000đ.

Căn cứ Điều 42 Bộ luật Hình sự, Điều 590 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo D và Giang phải liên đới bồi thường cho anh H toàn bộ số tiền anh H yêu cầu. Tại phiên tòa, cả hai bị cáo tự nguyện bồi thường cho anh H tổng số tiền là 72.000.000đ nên cần chấp nhận sự tự nguyện của các bị cáo.

Về án phí: Căn cứ Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, luật sư bào chữa cho bị cáo Hà Trường G phát biểu ý kiến: Xét thấy quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Hà Trường G đã thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải, trong khi đang ở trại tạm giam nhưng đã tác động tới gia đình tự nguyện nộp tiền bồi thường thiệt hại cho người bị hại. Xét thấy cả hai bị cáo tuổi đời còn trẻ, nhận thức pháp luật chưa đầy đủ, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho cả 2 bị cáo.

*Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, lời trình bày của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.*

### **XÉT THẤY:**

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai và thương tích của những người bị hại, biên bản sơ đồ hiện trường, biên bản và sơ đồ thực nghiệm điều tra, kết luận giám định pháp y, lời khai những người làm chứng và phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ căn cứ xác định: Khoảng 23 giờ ngày 13/01/2017, tại thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương, Phạm Văn D và Hà Trường G có hành vi dùng dao, đao (là hung khí nguy hiểm) chém vào người anh Phạm Văn H và anh Phạm H. A. Hậu quả: anh H bị tổn hại 21% sức khỏe, anh H. A bị tổn hại 03% sức khỏe. Giữa bị cáo D và anh H đã có xích mích với nhau từ trước tại quán “Đồ nướng 61” nên D đã gọi G đến giúp. Sau khi đến nhà anh H và dùng dao đe dọa chị Y (vợ anh H) xong thì D và G đã bỏ đi về Thành phố H nhưng anh H đã gọi điện thoại thách thức các bị cáo quay lại nên đã xảy ra việc xô sát trên. Hành vi của Phạm Văn D và Hà Trường G đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 104 Bộ luật Hình sự với tình tiết “Dùng hung khí nguy hiểm” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 104 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ đúng người, đúng tội.

Xét hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm tới khách thể là sức khỏe của người khác. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý nên phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của mình đã gây ra.

Xét vai trò, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với các bị cáo:

Đối với bị cáo Phạm Văn D: là người đề xuất, chuẩn bị công cụ phạm tội, thực hiện hành vi tích cực nên giữ vai trò chính. Hà Trường G đồng phạm với vai trò thực hành.

Về nhân thân bị cáo D: Tiền án: Không. Tiền sự: Có 01 tiền sự: Ngày 02/02/2016, Công an huyện B, tỉnh Hải Dương xử phạt hành chính phạt tiền về hành vi đánh bạc. Ngày 03/2/2016 đã nộp tiền phạt.

Bị cáo G: Tiền sự: Không. Có 01 tiền án: Bản án số 04 ngày 17/3/2015, Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 4 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Tính đến thời điểm phạm tội lần này bị cáo chưa được xóa án tích nên phải chịu 01 tình tiết tăng nặng Tái phạm theo điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS. Tại phiên tòa cả 2 bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đều được hưởng 1 tình tiết giảm nhẹ theo điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS. Cả 2 bị cáo đều tích cực tác động nhờ gia đình bồi thường cho người bị hại nên đều được hưởng 1 tình tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1 Điều 46 BLHS. Bị cáo G đầu thú nên còn được hưởng 1 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 46 BLHS.

Xét thấy các bị cáo đều có nhân thân xấu, phạm tội nghiêm trọng nên cần xử phạt tù cách ly xã hội một thời gian để cải tạo thành người tốt sống có ích cho gia đình và xã hội. Bị cáo D giữ vai trò chính nên xử mức án cao hơn bị cáo G mới phù hợp. Tuy nhiên trong vụ án này bị cáo G còn có 1 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên cần xử 2 bị cáo mức hình phạt ngang nhau.

Mặc dù các bị cáo bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999 nhưng theo khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 về tội “Cố ý gây thương tích” có quy định mức hình phạt nhẹ hơn nên cần áp dụng nguyên tắc có lợi cho các bị cáo theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị Quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về thi hành Bộ luật Hình sự 2015 để áp dụng về hình phạt đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự : Anh H. A là người bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường trách nhiệm dân sự nên không phải giải quyết.

Anh H sau khi bị thương đã đến Bệnh viện Quân y 7 và Bệnh Viện Việt Đức sơ cứu băng bó vết thương sau đó đã đến Bệnh viện TW quân đội 108 - BQP điều trị và yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền viện phí, tiền tổn thất tinh thần, thu nhập thực tế bị mất và các khoản chi phí khác tổng là 68.695.000đ và 900.000đ tiền ngày công trông nom anh ở bệnh viện của chị Y (vợ anh) cộng tổng là 69.595.000đ.

Xét các chi phí và yêu cầu bồi thường của anh H là thực tế và có hóa đơn chứng từ hợp lệ nên cần chấp nhận toàn bộ. Bị cáo D và G cùng gây thương tích cho anh H nên phải liên đới chịu trách nhiệm bồi thường mỗi người 1/2 giá trị thiệt hại cho người bị hại. Tại phiên tòa, cả hai bị cáo đều thống nhất thỏa thuận

tự nguyện bồi thường cho anh H tổng số tiền là 72.000.000đ, chia kỹ phần mỗi bị cáo bồi thường 36.000.000đ. Quá trình điều tra, đại diện gia đình bị cáo D đã bồi thường cho anh H 10.000.000đ, đại diện gia đình bị cáo G đã bồi thường 10.000.000đ, anh H xác nhận đã nhận số tiền trên. Tại phiên tòa, các bị cáo tự nguyện mỗi bị cáo bồi thường tiếp cho anh H số tiền là 26.000.000đ, anh H nhất trí nên cần xử chấp nhận sự tự nguyện của các bị cáo.

Ngày 12/9/2017, bà Nguyễn Thị V là mẹ đẻ bị cáo G tự nguyện nộp trước khi xét xử số tiền 20.000.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B để bồi thường cho anh H nên cần tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án. Ngày 14/11/2017, bà Nguyễn Thị H là mẹ đẻ bị cáo D đã tự nguyện nộp trước khi xét xử số tiền 32.000.000đ (trong đó có 6.000.000đ của bà V - mẹ đẻ bị cáo G) để nộp thay cho các bị cáo bồi thường cho anh H nên cần tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

Đối với anh Hoàng Văn H đi cùng với D và G nhưng không biết các bị cáo trao đổi bàn bạc việc đánh anh H và anh H. A, tài liệu điều tra không đủ căn cứ chứng minh H đồng phạm nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với anh H và anh H. A có hành vi cầm gậy sắt đánh lại 2 bị cáo do hành vi trái pháp luật của các bị cáo đối với mình nên anh H và anh H. A không có lỗi.

Về án phí: Căn cứ Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Về án phí dân sự: Đại diện gia đình các bị cáo đã nộp thay các bị cáo khoản tiền bồi thường cho người bị hại trước khi xét xử nên các bị cáo không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn D và Hà Trường G phạm tội: “ Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng khoản 2 Điều 104; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 20, Điều 53, Điều 33 Bộ luật Hình sự 1999; Điểm đ khoản 2 Điều 134, Khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội đối với bị cáo Phạm Văn D.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn D 30(ba mươi) tháng tù thời gian tính từ ngày bắt tạm giam 12/5/2017.

Áp dụng khoản 2 Điều 104; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 20, Điều 53, Điều 33 Bộ luật Hình sự 1999; Điểm d khoản 2 Điều 134, Khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội đối với bị cáo Hà Trường G.

Xử phạt bị cáo Hà Trường G 30(ba mươi) tháng tù thời gian tính từ ngày tạm giữ 19/7/2017.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật Hình sự, Điều 590 Bộ luật Dân sự: Xử chấp nhận sự thỏa thuận tự nguyện của bị cáo Phạm Văn D và Hà Trường G: Mỗi bị cáo tự nguyện bồi thường tiếp cho anh H số tiền là 26.000.000đ( hai mươi sáu triệu đồng chẵn). Tiếp tục quản lý số tiền 20.000.000đ(hai mươi triệu đồng) do bà Nguyễn Thị V là mẹ đẻ bị cáo G tự nguyện nộp thay bị cáo G để thi hành khoản tiền bồi thường cho anh H tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Giang theo biên lai số AA/2011/0004127 ngày 12/9/2017 để đảm bảo thi hành án. Tiếp tục quản lý số tiền 32.000.000đ(ba mươi hai triệu đồng) do bà Nguyễn Thị H là mẹ đẻ bị cáo D tự nguyện nộp thay(trong đó có 6.000.000đ của bà V nộp thay cho bị cáo G) để thi hành khoản tiền bồi thường cho anh H tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Giang theo biên lai số AA/2011/0004133 ngày 14/11/2017 để đảm bảo thi hành án.

Án phí: Căn cứ Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo Phạm Văn D và Hà Trường G mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo, người bào chữa cho bị cáo Giang, có mặt người bị hại. Đã báo cho bị cáo và người bị hại biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Bình Giang;
- Công an huyện Bình Giang;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Cơ quan THA HS CA tỉnh HD
- Sở tư pháp tỉnh HD
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Thiết**

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Bình Giang;
- Công an huyện Bình Giang;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Cơ quan THA HS CA tỉnh HD
- Sở tư pháp tỉnh HD
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Thiết**